Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy nháp và bút.
Đọc dữ kiện, nêu quan hệ rồi tự làm từng nhiệm vụ.
Ghi phép tính, đơn vị nếu có và một cách tự kiểm; mở đáp án sau khi đã thử.

BÀI 1

Nhận tỉ lệ bản đồ sau khi thống nhất đơn vị

Hiểu tỉ lệ bản đồ là tỉ số độ dài trên bản đồ so với độ dài thật cùng đơn vị.

VÍ DỤ

Tỉ lệ 1 : 5000 nghĩa là 1 cm trên bản đồ ứng với 5000 cm ngoài thực tế, tức 50 m. Hai số trong tỉ lệ phải dùng cùng đơn vị.

1 Tỉ lệ 1 : 1000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu cm và bao nhiêu m ngoài thực tế?

2 Tỉ lệ 1 : 20 000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu m ngoài thực tế?

3 1 cm trên sơ đồ biểu diễn 25 m ngoài thực tế. Đổi về cùng đơn vị rồi viết tỉ lệ.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 1 · tiếp tục

4 Bạn đọc 1 : 10 000 thành 1 cm ứng với 10 000 m. Hãy sửa.

BÀI 2

Từ độ dài trên bản đồ tìm độ dài thật

Nhân độ dài trên bản đồ với mẫu tỉ lệ rồi đổi đơn vị của độ dài thật.

VÍ DỤ

Một đoạn trên bản đồ dài 4 cm, tỉ lệ 1 : 2000. Độ dài thật là 4 × 2000 = 8000 cm = 80 m.

1 Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, đoạn dài 3,5 cm biểu diễn bao nhiêu mét?

2 Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 50 000, đoạn dài 2,4 cm biểu diễn bao nhiêu ki-lô-mét?

3 Một sơ đồ tỉ lệ 1 : 500 có đoạn dài 6 cm. Tính độ dài thật theo mét.

4 Một đoạn dài 2 cm trên bản đồ 1 : 25 000. Bạn trả lời 50 000 m. Sửa đơn vị và kết quả.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 3

Từ độ dài thật tìm độ dài trên bản đồ

Đổi độ dài thật về cùng đơn vị rồi chia cho mẫu tỉ lệ để tìm độ dài trên bản đồ.

VÍ DỤ

Một đoạn thật dài 60 m = 6000 cm. Trên sơ đồ 1 : 2000, đoạn đó dài 6000 : 2000 = 3 cm.

1 Một đoạn thật dài 90 m. Trên sơ đồ 1 : 3000, đoạn đó dài bao nhiêu cm?

2 Khoảng cách thật 1,2 km. Tìm độ dài tương ứng trên bản đồ 1 : 30 000 theo cm.

LUYỆN THÊM · LT1

Đoạn thật 60 m ở tỉ lệ 1 : 2000 dài mấy cm trên sơ đồ?

3 Dây viền thật dài 24 m. Trên bản vẽ tỉ lệ 1 : 400, nó dài bao nhiêu cm?

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 3 · tiếp tục

4 Bạn lấy 80 : 2000 để tìm cm trên sơ đồ 1 : 2000 của đoạn thật 80 m. Hãy sửa bước đầu.

BÀI 4

So sánh cách thể hiện ở hai tỉ lệ bản đồ

So sánh độ dài trên hai bản đồ khi giữ nguyên độ dài thật.

VÍ DỤ

Cùng đoạn thật 100 m = 10 000 cm được vẽ dài 10 cm ở tỉ lệ 1 : 1000, nhưng dài 5 cm ở tỉ lệ 1 : 2000. Mẫu tỉ lệ lớn hơn cho hình biểu diễn nhỏ hơn khi độ dài thật giữ nguyên.

1 Cùng đoạn thật 60 m. Tính độ dài trên sơ đồ 1 : 1000 và 1 : 2000.

2 Hai bản đồ 1 : 5000 và 1 : 10 000 cùng vẽ một tuyến đường. Ở bản nào tuyến đường dài hơn trên giấy? Vì sao?

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

3 Một đoạn dài 4 cm ở bản 1 : 3000. Cùng đoạn thật ấy dài bao nhiêu cm ở bản 1 : 6000?

4 Bạn thấy một đoạn 5 cm ở bản 1 : 1000 và đoạn khác 5 cm ở bản 1 : 2000, rồi nói hai đoạn thật bằng nhau. Kiểm lại.

BÀI 5

Dùng tỉ lệ cho một sơ đồ đường đi

Dùng tỉ lệ và dữ kiện từng chặng để tính độ dài một tuyến đường trên sơ đồ.

VÍ DỤ

Sơ đồ giả định tỉ lệ 1 : 1000 có AB dài 2 cm, BC dài 4 cm. Đi theo A–B–C có độ dài thật (2 + 4) × 1000 = 6000 cm = 60 m; không tự coi đó là đoạn thẳng AC.

1 Sơ đồ giả định 1 : 20 000 có AB dài 3 cm, BC dài 2,5 cm. Tính độ dài thật khi đi theo A–B–C.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 5 · tiếp tục

2 Một tuyến thật dài 75 m gồm hai chặng. Trên sơ đồ 1 : 1500, chặng đầu dài 2 cm. Chặng sau dài bao nhiêu cm trên sơ đồ?

3 Sơ đồ tỉ lệ 1 : 200 có cạnh phòng dài 3 cm và 2 cm. Độ dài hai cạnh thật là bao nhiêu mét?

4 Muốn dùng ảnh chụp một sơ đồ để đo trực tiếp, có thể giữ nguyên tỉ lệ ghi trên bản gốc sau khi ảnh đã phóng to không? Nêu điều cần kiểm.

LUYỆN THÊM · LT1

Sơ đồ 1 : 1000 có hai chặng 3 cm và 2 cm. Tìm tổng độ dài thật.